

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/11/2019.

V/v: "Tranh chấp

ly hôn và nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Ngư.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Diễm T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp An T, xã An H, huyện CT, tỉnh ST.

- Bị đơn: Anh Trần Văn TR, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp An T, xã An H, huyện CT, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 29/9/2019, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Diễm T trình bày:

Chị và anh Trần Văn TR đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/4/2014; chị và anh TR có 02 con chung tên Trần Phương N, sinh ngày 26/11/2015, Trần Phương Anh, sinh ngày 15/8/2019. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh

phúc, nhưng đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay; hiện con đang sống chung với chị T; tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; chị xin được nuôi 02 con chung, chị yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi đứa 1.000.000 đồng/ tháng; tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn TR trình bày :

Về thời gian kết hôn, con chung đúng như lời trình bày của chị T, nay anh TR còn thương vợ, con; nếu chị T cương quyết ly hôn anh TR cũng đồng ý, anh TR xin được nuôi 01 đứa con lớn tên N, còn đứa nhỏ giao cho chị T nuôi; anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Diễm T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu bị đơn ông Trần Văn TR cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi đứa 1.000.000 đồng /tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét thấy chị **Ngô Thị Diễm T** và anh Trần Văn TR đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/4/2014, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên anh, chị không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn và anh TR cũng đồng ý ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh TR và chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh TR có 02 con chung tên Trần Phương N, sinh ngày 26/11/2015, Trần Phương Anh, sinh ngày 15/8/2019. Tại phiên tòa chị T xin được nuôi 02 con chung, còn anh TR xin được 01 đứa con lớn tên N, còn đứa nhỏ giao cho chị T nuôi.

Xét thấy thời gian chị T và anh TR không còn sống chung, chị T chăm sóc nuôi dưỡng, chăm lo các con chu đáo, nên cần ổn định giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung cho anh TR theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh TR tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Ngô Thị Diễm T và anh Trần Văn TR.**

- Về con chung: Giao các con chung tên Trần Phương N, sinh ngày 26/11/2015, Trần Phương Anh, sinh ngày 15/8/2019 cho chị Ngô Thị Diễm T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh TR.

- Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh TR tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008887 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nội nh:

- Các công s;
- Tia' n n' h' đ' n t' nh S' c Tr' ng;
- Vi' n Ki' m' s' t' ó' ng c' p;
- Chi c' c THA đ' n s' huy' n Ch' u T' h' nh;
- UBND x' An Hi' p;
- Lu' h' s' v' n.

**TM. H' I' NG X' T X' S' TH' M
TH' M P' H' N-CH' T' A P' H' N T' I' A**

Nguy' n V' n Nh' n